TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: **291**/2018/DS-ST
Ngày: 06/02/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:* Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 699/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản";*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần V**

Trụ sở: 89 Đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1994

Địa chỉ: số 3 Đường N, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 06/2017/UQ-CT ngày 08/2/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V và ủy quyền lại số 894/2017/UQTT-QTRR.17 ngày 15/3/2017).

2. Bị đơn: Ông **Trần Quan D**, sinh năm 1989

Địa chỉ: 10/76/56 Đường H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2016, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (gọi tắt là Ngân hàng V) do bà Nguyễn Thanh N là đại diện trình

bày: Ngày 21/7/2014, ông Trần Quan D có đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu 306191 (được phê duyệt ngày 29/7/2014 có số hợp đồng 20140728-500001-0041) với Ngân hàng V, vay số tiền 21,000,000 (hai mươi mốt triệu) đồng, lãi suất 45%/năm để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông Trần Quan D có trách nhiệm thanh toán số tiền 32,328,000 (ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn) đồng (bao gồm cả gốc và lãi) trong vòng 24 tháng, trong 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1,343,000 (một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, tháng cuối cùng trả 1,439,000 (một triệu bốm trăm ba mươi chín nghìn) đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2014. Ông D đã nhận đủ số tiền trên và trả cho Ngân hàng V 09 kỳ với số tiền là 11,744,000 (mười một triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng. Từ ngày 19/11/2015, ông D không thanh toán thêm bất cứ khoản nào. Nay Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quan D thanh lý hợp đồng, trả số tiền 20,584,000 (hai mươi triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng bao gồm nợ gốc là 14,368,134 (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn một trăm ba mươi bốn) đồng và lãi trong hạn là 6,215,866 (sáu triệu hai trăm mười lăm nghìn tám trăm sáu mươi sáu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi quá hạn.

Các tài liệu chứng cứ Ngân hàng V giao nộp được ghi nhận theo biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/6/2017 và 24/7/2017.

Bị đơn ông Trần Quan D vắng mặt trong suốt quá trình từ khi thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, không thể tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền của Tòa án: Theo kết quả xác minh ngày 25/5/2017 của Công an Phường B, quận T thì ông Trần Quan D có hộ khẩu thường trú tại quận T, hiện đang cư trú tại địa chỉ 10/76/56 Đường H, Phường B, quận T. Căn cứ vào điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Về tư cách tố tụng: Ngân hàng V ủy quyền hợp lệ cho bà Nguyễn Thanh N tham gia tố tụng, đúng theo quy định tại Điều 138, 141 của Bộ luật Dân sự, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Ông Trần Quan D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Ngân hàng V về việc buộc ông Trần Quan D phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 20,584,000 (hai mươi triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng bao gồm nợ gốc là 14,368,134 (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn một trăm ba mươi bốn) đồng và lãi trong hạn là 6,215,866 (sáu triệu hai trăm mười lăm nghìn tám trăm sáu mươi sáu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi quá hạn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nợ gốc:

Tại phần phê duyệt ngày 29/7/2014 của Ngân hàng V, đính kèm đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ 306191, hợp đồng tín dụng số 20140728-500001-0041 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) giữa ông D và Ngân hàng V thỏa thuận những nội dung đúng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, tại tài liệu giải ngân do Ngân hàng V cung cấp thể hiện, ngày 29/7/2014, Ngân hàng V chỉ chuyển số tiền 20,000,000 (hai mươi triệu) đồng vào tài khoản của ông D. Ngày 31/7/2014, ông D rút từ tài khoản toàn bộ số tiền 20,000,000 (Hai mươi triệu) đồng, còn 1.000.000 (một triệu) đồng tiền phí bảo hiểm không có chứng từ. Lý giải về 1,000,000 (một triệu) đồng tiền bảo hiểm, đại diện Ngân hàng V cho rằng đây là hợp đồng liên kết giữa Ngân hàng V và Công ty bảo hiểm để mua bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân cho khách hàng, chuyển thành từng đợt nhiều khách hàng, không chuyển riêng từng cá nhân nên không có chứng từ. Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng V cung cấp hợp đồng liên kết, hợp đồng bảo hiểm ký kết, tài liệu thể hiện việc mua bảo hiểm cho ông D và Công ty bảo hiểm nhưng Ngân hàng V không cung cấp được.

Tại công văn số 1639/CV-AAA/BHCN ngày 12/10/2017 của Công ty cổ phần bảo hiểm A (gọi tắt là A) là đối tác bảo hiểm của Ngân hàng V theo hợp đồng tín dụng với ông D đã trả lời: Ngân hàng V là đại lý bảo hiểm của A, đã mua bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân cho ông Trần Quan D tại A theo số bảo hiểm 20140728-500001-0041, số tiền bảo hiểm là 20,000,000 (hai mươi triệu) đồng. Theo hợp đồng,

số tiền bảo hiểm là 1,000,000 (một triệu) đồng đã được Ngân hàng V chuyển trực tiếp cho A. Như vậy, có căn cứ xác định Ngân hàng V đã giải ngân toàn bộ số tiền 21,000,000 (hai mươi mốt triệu) đồng bao gồm nợ gốc và phí bảo hiểm.

Xét thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng tín dụng nêu trên đã hết (từ 29/7/2014 đến 28/7/2016), không xảy ra sự kiện bảo hiểm, các đương sự không tranh chấp đối với số tiền bảo hiểm. Người đại diện theo ủy quyền của A là ông Trần Sơn P đã có bản khai ngày 05/01/2018 xác định không có tranh chấp và yêu cầu trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về lãi suất: Lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng là 45%/năm. Đối với mức lãi suất trên, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo công văn số 2463/Cục I.2 ngày 24/11/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập từ ngày 01/01/2011 (ngày Luật các Tổ chức tín dụng 2010 có hiệu lực) đến trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực), tổ chức tín dụng được phép cho vay theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Cụ thể: Tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010 quy định: " Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật"; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN quy định: "Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng như cầu của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả". Như vậy, mức lãi suất của Ngân hàng V và ông D thỏa thuận phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Theo bảng kế hoạch trả nợ, tổng số tiền ông Trần Quan D vay là 21,000,000 (hai mươi mốt triệu) đồng, chia làm 24 kỳ, 23 kỳ đầu thanh toán 1,343,000 (một triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, kỳ thứ 24 thanh toán 1,439,000 (một triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn) đồng, tổng tiền lãi là 11,328,000 (mười một triệu ba trăm hai mươi tám nghìn) đồng. Theo lịch sử thanh toán, ông D đã trả 09 kỳ với tổng số tiền (gốc và lãi) là 11,744,000 đồng (mười một triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng. Do đó, số tiền gốc và lãi trong hạn còn lại ông D phải thanh toán cho Ngân hàng V là 20,584,000 (hai mươi triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng, bao gồm 14,368,134 (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn một trăm ba mươi bốn) đồng tiền gốc và 6,215,866 (sáu triệu hai trăm mười lăm nghìn tám trăm sáu mươi sáu) đồng tiền lãi trong hạn. Xét yêu cầu của Ngân hàng V buộc ông Trần Quan D

phải thanh toán toàn bộ số tiền 20,584,000 (hai mươi triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi quá hạn là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Với những lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận T.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quan D phải chịu trên số tiền 20,584,000 (hai mươi triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng phải trả cho Ngân hàng V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 63, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, 267, 269, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Quan D phải thanh toán số tiền là 20,584,000 (hai mươi triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn) đồng bao gồm 14,368,134 (mười bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn một trăm ba mươi bốn) đồng tiền gốc và 6,215,866 (sáu triệu hai trăm mười lăm nghìn tám trăm sáu mươi sáu) đồng tiền lãi trong hạn cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần V không yêu cầu tính lãi quá hạn đối với khoản vay trên.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Quan D không thanh toán đủ số tiền trên thì hàng tháng, ông D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quan D phải chịu án phí là 1,029,200 (một triệu hai mươi chín nghìn hai trăm) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí là 515,000 (năm trăm mười lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0034729 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Ông Trần Quan D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận T;
- CCTHADS Quận T;
- Lưu VP, HS.

Nguyễn Thị Hồng Thanh